

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BẮC NINH **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số:32/2023/HS-PT

Ngày: 29/6/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Tuấn Anh

Các Thẩm phán: Ông Cao Việt Hoàng

Bà Vương Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Đinh Văn Bình - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 29 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 37/2023/TLPT-HS ngày 04 tháng 4 năm 2023 đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H, Bùi Văn L, Nguyễn Thế A, Ngô Văn N, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T2 do có kháng cáo của các bị cáo và Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2023/HS-ST ngày 02 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

***,Bị cáo có kháng cáo:**

1. Nguyễn Văn T, sinh năm 1988. Hộ khẩu thường trú: Phố L, thị trấn N, huyện T, tỉnh BG; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Bảo vệ; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1952; con bà Phạm Thị Q, sinh năm 1954; Gia đình bị cáo có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Vợ là Nguyễn Thị T, sinh năm 1992; có 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2014. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/7/2022 đến ngày 03/8/2022 được thay thế bằng biện pháp bảo lãnh. Hiện bị cáo đang tại ngoại ở địa phương (có mặt tại phiên tòa).

2. Nguyễn Văn H, sinh năm 2002. Hộ khẩu thường trú: Thôn Y, xã H, huyện Y, tỉnh BN; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 07/12; Nghề nghiệp: Công nhân; con ông

Nguyễn Bình Đ, sinh năm 1977; con bà Kiều Thị A, sinh năm 1978; Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Vợ, con: chưa có. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/7/2022 đến ngày 26/8/2022, được thay thế bằng biện pháp bảo lãnh. Hiện bị cáo đang tại ngoại ở địa phương (có mặt tại phiên tòa).

3. Bùi Văn L, sinh năm 1999. Hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã Q, huyện L, tỉnh HB; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Công nhân; con ông Bùi Văn H, sinh năm 1974; con bà Bùi Thị D, sinh năm 1976; Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Vợ, con: chưa có. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/7/2022 đến ngày 06/10/2022 được thay thế bằng biện pháp bảo lãnh. Hiện bị cáo đang tại ngoại ở địa phương (có mặt tại phiên tòa).

4. Nguyễn Thế A, sinh năm 1989. Hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã L, huyện Đ, tỉnh TN; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Bảo vệ; Là đảng viên Đảng CSVN đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 47-QĐ/UBKTHU ngày 23/8/2022 của UBKT huyện ủy Đ, tỉnh TN; con ông Nguyễn Minh T (đã chết); con bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1970; Gia đình bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1991; Con: có 2 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2020. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/7/2022 đến ngày 15/9/2022 được thay thế bằng biện pháp bảo lãnh. Hiện bị cáo đang tại ngoại ở địa phương (có mặt tại phiên tòa).

5. Nguyễn Văn T2, sinh năm 1989. Hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã Đ, huyện Y, tỉnh BN; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Bảo vệ; con ông Nguyễn Văn M (đã chết); con bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1957; Gia đình bị cáo có 04 anh em, bị cáo là con thứ tư trong gia đình; Vợ: Vũ Thị Thúy N, sinh năm 1990; Con: có 2 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2016. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/7/2022 đến ngày 10/8/2022 được thay thế bằng biện pháp bảo lãnh. Hiện bị cáo đang tại ngoại ở địa phương (có mặt tại phiên tòa).

6. Nguyễn Văn T1, sinh năm 1992. Hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã Đ, huyện Y, tỉnh BN; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Bảo vệ; con ông Nguyễn Thúc Q, sinh năm 1967; con bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1970; Gia đình bị cáo

có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Vợ: Triệu Xuân T, sinh năm 1997; Con: có 1 con sinh năm 2021. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/7/2022 đến ngày 15/9/2022 được thay thế bằng biện pháp bảo lãnh. Hiện bị cáo đang tại ngoại ở địa phương (có mặt tại phiên tòa).

**, Bị cáo có kháng cáo và bị kháng nghị:*

7. Ngô Văn N, sinh năm 1989. Hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã T, huyện Y, tỉnh BN; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Công nhân; con ông Ngô Văn T, sinh năm 1969; con bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1969; Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Vợ: Nguyễn Thị X, sinh năm 1989; Con: có 03 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2022. Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/7/2022 đến ngày 25/8/2022 được thay thế bằng biện pháp bảo lãnh. Hiện bị cáo đang tại ngoại ở địa phương (có mặt tại phiên tòa).

**, Người bào chữa cho bị cáo Bùi Văn L:* Ông Dương Văn H – Luật sư Công ty Luật TNHH HA – Đoàn Luật sư tỉnh BN, (Có mặt).

Ngoài ra trong vụ án còn có 01 bị cáo khác là Đặng Văn L; Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo và không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong tháng 6, tháng 7 năm 2022, tại Công ty TNHH Cresyn HN ở cụm Công nghiệp đa nghề ĐT, huyện Y, tỉnh BN: Nguyễn Văn T, Đặng Văn L, Nguyễn Văn H, Bùi Văn L, Nguyễn Thế A, Nguyễn Văn T2, Ngô Văn N, Nguyễn Văn T1 đã nhiều lần có hành vi trộm cắp đồng các loại của Công ty TNHH Cresyn để bán lấy tiền sử dụng mục đích cá nhân. Cụ thể như sau:

- **Vụ thứ nhất:** Nguyễn Văn T là đội trưởng đội bảo vệ của Công ty Công ty Cresyn, biết ở khu vực kho tầng 4, nhà máy 2 của Công ty Cresyn có nhiều đồng các loại nên đã nảy sinh ý định trộm cắp để bán lấy tiền tiêu xài. Trong tháng 6/2022, T rủ Bùi Văn L, là nhân viên phòng hành chính nhân sự, phụ trách việc giám sát, theo dõi camera trong Công ty Cresyn cùng tham gia trộm cắp. T và L thống nhất khi nào người trong nhóm T trộm cắp được đồng thì T sẽ gọi điện thoại cho L để L tắt camera giám sát trên đường vận chuyển đồng ra khỏi cổng công ty. T cũng rủ Nguyễn Văn T2 và Nguyễn Thế A là bảo vệ Công ty Cresyn cùng tham gia trộm cắp đồng, khi có người mang đồng ra khỏi công ty thì T2 không kiểm tra giấy tờ, mở cổng bảo vệ để mang tài sản trộm cắp được ra ngoài. T2, Thế A đồng ý.

Ngày 16/6/2022, T rủ Đặng Văn L, là công nhân bộ phận kỹ thuật, thường xuyên làm việc ở nhà máy 2 Công ty Cresyn, cùng tham gia trộm cắp đồng của Công ty Cresyn. L nói với T: “*có an toàn không?*”, T nói: “*anh bảo L nhân sự rồi, cần cắt camera chỗ nào bảo anh*”, L đồng ý. L đến kho nguyên liệu trên tầng 4, nhà máy 2 của Công ty và thấy có nhiều bao tải chứa đồng nặng nên nói với T rủ thêm người trộm cắp cùng, T đồng ý. Sau đó L rủ Nguyễn Văn H, là công nhân làm việc ở xưởng Wire trong công ty cùng trộm cắp đồng, H đồng ý. L và H dùng xe nâng tay kéo 01 palet, bên trên chứa 01 bao tải đồng nguyên chất (đồng đỏ) từ kho tầng 4, nhà máy 2 qua hành lang, xuống khu vực cổng số 3 của Công ty Cresyn. Lúc này, L gọi điện thoại thông báo cho T biết đã lấy được đồng. T gọi điện thoại cho L để tắt camera an ninh, đồng thời T gọi điện thoại cho Nguyễn Thế A đang trực bảo vệ ở cổng công ty biết việc L, H chuẩn bị kéo xe nâng chứa đồng đi đến. Khi L, H đi đến cổng bảo vệ thì Thế A mở cổng để cho L, H kéo đồng ra khỏi cổng. Sau đó, T gọi điện cho Nguyễn Văn T2 (đang ở nhà) đến cổng công ty để hỗ trợ L và H. Khi T2 đến thì T2, Thế A, L, H cùng nhau chia đồng từ bao tải to ra các bao tải dứa nhỏ. T2 dùng xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision biển kiểm soát 99B1–365.xx chở các bao tải đồng này về nhà T2 ở thôn T, xã Đ, huyện Y cất giấu; còn L, H, Thế A quay về công ty tiếp tục làm việc.

Sáng ngày 17/6/2022, T đi xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển kiểm soát 98D1 – 347.xx đến nhà T2 rồi cùng T2 đi chở các bao tải đồng trộm cắp được bán cho cửa hàng thu mua phế liệu của anh Nguyễn Đăng T3, sinh năm 1981 và chị Nghiêm Thị V, sinh năm 1984 (vợ của anh Tấn), trú tại thôn N, thị trấn C, huyện Y, tỉnh BN làm chủ. T, T2 không nói cho anh T3, chị V về nguồn gốc số đồng này do trộm cắp mà có. Anh T3, chị V cân số đồng mà T, T2 bán được là 340 kg đồng nguyên chất rồi trả cho T 48 triệu đồng. T nhận tiền rồi chia cho T, T2, L, H, L, Thế A được nhận mỗi người 08 triệu đồng.

- **Vụ thứ hai:** Sau lần trộm cắp đầu tiên khoảng 4 - 5 ngày, Nguyễn Văn T tiếp tục rủ Đặng Văn L lấy trộm đồng trong Công ty Cresyn vào khoảng 22 giờ. T gặp Ngô Văn N và nói với N tối hôm đó không để công nhân đi sang khu vực kho tầng 4, nhà máy 2 để tạo điều kiện thuận lợi cho việc lấy trộm đồng, N đồng ý. Đồng thời, T bảo N lên mạng tìm, thuê xe tải chở đồng và địa điểm để bán đồng. N tìm được một người lái xe tải ở thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, rồi hẹn người này đến cổng Công ty Cresyn chở hàng đến bán ở một cửa hàng thu mua đồng tại thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Khoảng 22 giờ cùng ngày, L rủ H lên kho tầng 4, nhà máy 2 kéo pallet chứa các bao tải đồng ra khu vực cổng số 2 của Công ty Cresyn. T gọi điện báo cho L để cắt camera. Khi L và H kéo đồng ra đến cổng số 2, L thấy Nguyễn Văn T1 và ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1966, trú tại thôn H, xã V, huyện Đ, thành phố HN đang làm nhiệm vụ bảo vệ ở cổng nên L đã gọi điện báo cho T, còn H quay lại xưởng tiếp tục làm việc. Sau đó, T gọi điện cho T1 và nói: “*em cho bạn công nhân bên Tech mang ít hàng ra ngoài, không phải kiểm tra*”, tức là T bảo T1 để cho L mang tài sản trộm cắp trong Công ty Cresyn ra ngoài. T1 hiểu ý của T và trả lời: “*Nhưng ở chốt có hai người khó lắm*”, T nói: “*Để anh điều ông kia*

đi tuần”. Sau đó T gọi điện thoại yêu cầu ông C đi tuần ở khu vực khác trong Công ty. Lúc này chỉ còn lại T1 ở chốt cổng số 2 và Nguyễn Thế A đang tuần tra ở gần đó. T1 và Thế A mở cổng để cho L kéo các palet chở đồng ra ngoài. Người lái xe tải mà N thuê trước đó đã đợi sẵn ở cổng. L và Thế A bốc số đồng trộm cắp được lên xe tải rồi L đi cùng xe tải đến khu vực phường Châu Khê, thành phố Từ Sơn để bán đồng, địa điểm mua đồng N đã báo từ trước đó. T đi xe máy theo sau. Số đồng các đối tượng trộm cắp được là 640 kg, gồm 150 kg đồng nguyên chất và 490 kg đồng mã thiếc. Người mua đồng với giá 150.000 đồng/ kg, tổng số tiền bán đồng là 96.000.000 đồng. Sau khi thỏa thuận được mức giá, T, L và người lái xe đi về trước. Sau đó N đi đến địa điểm mua đồng để nhận tiền.

Số tiền bán đồng N giữ lại 18.000.000 đồng, còn lại 78.000.000 đồng đưa cho T để T chia cho mọi người. T chia cho T, L, H mỗi người 18.000.000 đồng, L 10.000.000 đồng, Thế A 5.000.000 đồng, T1 3.000.000 đồng và trả tiền thuê xe tải 6.000.000 đồng.

- **Vụ thứ ba:** Sau lần trộm cắp thứ hai khoảng 3 – 4 ngày, T và L tiếp tục có ý định trộm cắp đồng để bán. L lên mạng tìm và thuê người lái xe tải là anh Quách Mạnh C, sinh năm 1992, trú tại thôn T, xã Đ, huyện S, thành phố Hà Nội, làm dịch vụ lái xe ô tô tải chở hàng. L hẹn anh C khoảng hơn 22 giờ cùng ngày đi xe ô tô tải đến cổng Công ty Cresyn để chở đồng nhưng không nói nguồn gốc đồng do trộm cắp mà có. T gọi điện cho L để L cắt camera khu vực kho tầng 4 nhà máy 2, hành lang và lối ra cổng. Thế A đang ở phòng trọ thì T gọi điện thoại nói: “*ra cùng anh em bốc đồng lên xe*”, Thế A hiểu là nhóm của T tiếp tục trộm cắp đồng nên đồng ý và đi đến cổng Công ty Cresyn đợi. Đặng Văn L tiếp tục rủ Nguyễn Văn H đi lên kho tầng 4, nhà máy 2 để trộm cắp đồng. L, H sử dụng xe nâng tay kéo 03 palet chứa các bao tải đồng mã thiếc ra cổng số 2 của Công ty Cresyn, sau đó H quay lại xưởng làm việc. Lúc này, Nguyễn Văn T2 và Nguyễn Văn T1 đang làm nhiệm vụ bảo vệ ở khu vực cổng số 2, do T đã gọi điện thoại thông báo cho T2, T1 biết việc L chuẩn bị kéo đồng ra cổng nên khi thấy L kéo đồng ra đến cổng số 2 thì T2 và T1 mở cổng để L kéo đồng ra khỏi cổng.

Khi L kéo số đồng ra khỏi cổng thì thấy xe ô tô tải của anh C đã chờ sẵn, sau đó T, L, Thế A, T2 cùng nhau bê các bao tải đồng lên xe rồi đi tìm nơi để bán. Khi đi đến cửa hàng thu mua phế liệu của anh Nguyễn Đăng T3, chị Nghiêm Thị V thì dừng xe để bán đồng. Các đối tượng không nói cho anh T3, chị V biết nguồn gốc đồng là do trộm cắp mà có. Khối lượng đồng trộm cắp được là khoảng 640 kg đồng mã thiếc; anh T3, chị V mua với giá 130.000 đồng/ kg, tổng số tiền anh T3, chị V trả cho T là 83.000.000 triệu đồng. Sau đó T chia cho L, H, T2, Thế A, L mỗi người 12.000.000 đồng; chia cho T1 số tiền 3.000.000 đồng và trả cho anh C 8.000.000 đồng tiền thuê xe tải.

- **Vụ thứ tư:** Tối ngày 04/7/2022, T và L tiếp tục có ý định trộm cắp đồng để bán. L gọi điện thoại hẹn anh Quách Mạnh C khoảng 22 giờ cùng ngày đến cổng Công ty Cresyn để chở hàng. T gọi điện thoại báo N tìm người mua đồng. N lên mạng xã hội tìm nhưng chưa tìm được người mua. Khoảng 21 giờ 30 cùng ngày, L và H lên kho tầng 4, nhà máy 2, L dùng xe nâng tay kéo 02 palet đồng,

H kéo 01 palet đồng các loại ra khu vực cổng số 2 của Công ty Cresyn. Khi đi đến khu vực cổng số 2 của Công ty thì lúc này Nguyễn Thế A đang làm nhiệm vụ bảo vệ ở khu vực cổng số 2 biết L, H kéo đồng trộm cắp trong Công ty ra ngoài nên đã mở cổng để các đối tượng kéo đồng ra ngoài. Khi L, H kéo số đồng ra khỏi cổng thì thấy xe ô tô tải của anh C đã chờ sẵn, L, H cùng anh C bê đồng lên xe. Sau đó L bảo anh C chở đồng về nhà L.

Ngày 05/7/2022, N tiếp tục lên mạng thì tìm được số điện thoại và địa chỉ của anh Đặng Đình S, sinh năm 1989, trú tại thôn Q, xã V, huyện Y, tỉnh BN, làm nghề thu mua phế liệu. N hẹn anh S chiều ngày 05/7/2022 đến nhà L ở thôn Kim H, xã Kim L, huyện S, thành phố HN để cân, mua đồng. Anh S đồng ý. Chiều ngày 05/07/2022, anh S đến nhà L thì gặp N, L và T. Các đối tượng không nói cho anh S biết nguồn gốc đồng là do trộm cắp mà có. Tổng khối lượng đồng là 640 kg đồng các loại gồm đồng nguyên chất 250 kg, đồng mã thiếc 270 kg và đồng lẫn dây 120 kg. Anh S đồng ý mua số đồng trên với giá 130.000đồng/kg, tổng số tiền là 83.250.000 đồng. N nhận tiền và giữ lại 15.000.000 đồng, còn chuyển lại cho T để chia cho mọi người. T chia cho T, L mỗi người 15.000.000 đồng, L 10.000.000 đồng, Thế A và H mỗi người 8.000.000 đồng, trả tiền thuê xe tải 8.000.000 đồng. Ngày 06/7/2022, T gặp T2 và cho T2 số tiền 4.250.000 đồng và nói cho T2 tiền để uống nước, T không nói cho T2 biết đây là tiền do bán đồng trộm cắp mà có.

- Ngày 08/7/2022, anh Nguyễn Đăng T3 đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra 08 bao tải dứa bên trong chứa đồng mã thiếc, tổng khối lượng 241 kg đã mua của nhóm T, số đồng còn lại anh T3 đã bán cho những người thu mua phế liệu khác nhưng không nhớ người mua.

- Tại Kết luận định giá tài sản số 64/KL-HĐĐGTS ngày 18/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện Yên Phong kết luận:

“- 01 kg đồng lẫn dây có giá trị tại thời điểm định giá: 35.000 đồng/kg; 573 kg đồng lẫn dây có giá trị tại thời điểm định giá: 20.055.000 đồng.

- 01 kg đồng mã thiếc có giá trị tại thời điểm định giá: 105.000 đồng/kg; 2268 kg đồng mã thiếc có giá trị tại thời điểm định giá: 238.140.000 đồng.

- 01 kg đồng nguyên chất có giá trị tại thời điểm định giá: 150.000 đồng/kg; 1179 kg đồng mã thiếc có giá trị tại thời điểm định giá: 176.850.000 đồng.

Tổng 4.020kg đồng đã qua sử dụng có giá trị tại thời điểm định giá là 435.045.000 đồng”.

- Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Phong, T, T2, L, H, L, Thế A, T1 đã thành khẩn khai nhận hành vi của mình và đồng phạm như đã nêu trên.

+ Vụ thứ nhất, T, T2, L, H, L, Thế A trộm cắp 340kg đồng nguyên chất, trị giá 51.000.000 đồng.

+ Vụ thứ hai, T, L, H, L, Thế A, N, T1 trộm cắp gồm 150 kg đồng nguyên chất và 490 kg đồng mã thiếc, tổng trị giá 73.950.000 đồng.

+ Vụ thứ ba, T, L, H, T2, Thế A, L, T1 trộm cắp 640 kg đồng mã thiếc, trị giá 67.200.000 đồng.

+ Vụ thứ tư, T, L, H, Thế A, L, N trộm cắp 250kg đồng nguyên chất, 270kg đồng mã thiếc và 120kg đồng lẫn dây, tổng trị giá 70.050.000 đồng. Số tiền bán đồng trộm cắp các đối tượng đã tiêu xài cá nhân hết.

Quá trình điều tra Nguyễn Đăng T3 giao nộp 08 bao tải dứa bên trong chứa các sợi đồng mã thiếc, màu trắng (đồng bạc thiếc) có tổng khối lượng 241kg, ngày 29/9/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Phong đã trả lại số đồng trên cho Công ty TNHH Cresyn HN. Anh Nguyễn Đăng T4 là người đại diện theo ủy quyền của công ty TNHH Cresyn HN yêu cầu các bị can phải bồi thường cho Công ty tương ứng giá trị tài sản đã bị trộm cắp không thu hồi được là 3.779 kg đồng.

Các bị cáo đã tự nguyện nộp tổng số tiền 186.646.000 đồng để bồi thường, khắc phục hậu cho Công ty Cresyn, trong đó: Nguyễn Văn T nộp 43.415.000 đồng, Nguyễn Văn H nộp 37.287.000 đồng, Bùi Văn L nộp 33.940.000 đồng, Nguyễn Thế A nộp 28.372.000 đồng, Nguyễn Văn T2 nộp 16.309.000 đồng, Nguyễn Văn N nộp 27.325.000 đồng. Anh Nguyễn Đăng T4 đã nhận số tiền 186.646.000 đồng nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 148/CT-VKS ngày 19/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong đã truy tố các bị cáo: Nguyễn Văn T, Đặng Văn L, Nguyễn Văn H, Bùi Văn L, Nguyễn Thế A về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự; Các bị cáo Ngô Văn N, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T2 về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2023/HS-ST ngày 02 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh đã xét xử và tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Đặng Văn L, Nguyễn Văn H, Bùi Văn L, Nguyễn Thế A, Nguyễn Văn T2, Ngô Văn N, Nguyễn Văn T1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt:

Nguyễn Văn T 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù.

Nguyễn Văn H 07 (bảy) năm 05 (lăm) tháng tù.

Bùi Văn L 07 (bảy) năm 05 (lăm) tháng tù.

Nguyễn Thế A 07 (bảy) năm 05 (lăm) tháng tù

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt:

Đặng Văn L 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt:

Nguyễn Văn T2 26 (hai mươi sáu) tháng tù.

Ngô Văn N 24 (hai mươi bốn) tháng tù.

- Áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 173; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt:

Nguyễn Văn T1 28 (hai mươi tám) tháng tù.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phân trách nhiệm dân sự; xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, trong các ngày 06; 09/3/2023 lần lượt các bị cáo Bùi Văn L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thế A, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 10/3/2023 bị cáo Ngô Văn N kháng cáo xin được hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ.

Ngày 16/3/2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong có Quyết định kháng nghị số 01 đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm theo hướng sửa bản án sơ thẩm, tăng hình phạt đối với bị cáo Ngô Văn N.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu, tuy nhiên các bị cáo cho rằng mức hình phạt cấp sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo là quá nghiêm khắc bởi các bị cáo đã bồi thường khắc phục toàn bộ thiệt hại cho phía bị hại và được phía bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, gia đình các bị cáo đều thuộc hoàn cảnh khó khăn, bị cáo T bổ sung tình tiết giảm nhẹ là bị cáo có ông bà được tặng thưởng Huân, huy chương kháng chiến vì vậy các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh thực hành quyền công tố tại phiên tòa, sau khi nhận xét vụ án và phân tích hành vi phạm tội, đánh giá nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo cũng như xem xét về nội dung kháng cáo của các bị cáo T, H, Thế A, L, N, T1, T2 và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong đã đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo T, H, Thế A, L, giữ nguyên phần hình phạt của bản án sơ thẩm đối với các bị cáo trên.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Ngô Văn N; Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T2; Nguyễn Văn T1; Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong.

Áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt:

Nguyễn Văn T2 24 tháng tù.

Ngô Văn N 26 tháng tù.

Nguyễn Văn T1 26 tháng tù.

Sau khi nghe đề nghị của Kiểm sát viên, các bị cáo T, H, L, Thế A có ý kiến xin rút toàn bộ kháng cáo, chấp nhận mức hình phạt như Bản án cấp sơ thẩm đã tuyên.

Các bị cáo T2, N, T1 không có ý kiến tranh luận.

Luật sư Dương Văn H không có ý kiến tham gia tranh luận.

Kiểm sát viên sau khi nghe ý kiến xin rút kháng cáo của các bị cáo T, H, L, Thế A có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm vụ án, các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về thẩm quyền, trình tự, thủ tục; không ai có ý kiến thắc mắc, khiếu nại. Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn luật định các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H, Bùi Văn L, Nguyễn Thế A, Ngô Văn N, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T2 có kháng cáo là hợp lệ, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong có kháng nghị trong thời hạn luật định được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo T, H, L, Thế A, N, T1, T2 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với vật chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở khẳng định: Trong tháng 6, tháng 7 năm 2022, tại Công ty TNHH Cresyn HN ở cụm Công nghiệp đa nghề Đ, huyện Y, tỉnh BN: Nguyễn Văn T, Đặng Văn L, Nguyễn Văn H, Bùi Văn L, Nguyễn Thế A, Nguyễn Văn T2, Ngô Văn N, Nguyễn Văn T1 đã nhiều lần có hành vi trộm cắp đồng các loại của công ty TNHH Cresyn để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Trong đó:

Nguyễn Văn T, Đặng Văn L, Nguyễn Văn H, Bùi Văn L, Nguyễn Thế A tham gia 04 lần trộm cắp tổng số 2.260 kg đồng, gồm 740 kg đồng nguyên chất, 1400kg đồng mã thiếc và 120 kg đồng lẫn dây, trị giá 262.200.000 đồng.

Ngô Văn N tham gia 02 lần trộm cắp tổng số 1160 kg đồng, gồm 400kg đồng nguyên chất và 760 kg đồng mã thiếc, trị giá 139.800.000 đồng.

Nguyễn Văn T2 tham gia 02 lần trộm cắp tổng số 980kg đồng, gồm 340kg đồng nguyên chất và 640kg đồng mã thiếc, trị giá 118.200.000 đồng.

Nguyễn Văn T1 tham gia 02 lần trộm cắp tổng số 1280 kg đồng, gồm 150kg đồng nguyên chất và 1130kg đồng mã thiếc trị giá 141.150.000 đồng

Do vậy, Bản án sơ thẩm xét xử các bị cáo T, L, H, L, Thế A phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự; Ngô Văn N, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn T1 phạm tội “Trộm cắp tài sản ” theo điểm a, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3]. Xét tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu riêng về tài sản của tổ chức được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang, lo lắng cho các Công ty, tổ chức đang sản xuất, kinh doanh đóng trên địa bàn xã Đ nói riêng và trên địa bàn huyện Y nói chung. Các bị cáo phạm tội ở nơi có đông người cùng làm việc tại Công ty, điều đó thể hiện sự liều lĩnh, manh động, coi thường pháp luật của các bị cáo. Do vậy cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4]. Trong phần tranh luận, sau khi nghe Kiểm sát viên phát biểu quan điểm đối với kháng cáo của các bị cáo và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong. Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H, Bùi

Văn L, Nguyễn Thế A đã có ý kiến xin rút toàn bộ kháng cáo, chấp nhận mức hình phạt như cấp sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy việc rút đơn kháng cáo của các bị cáo T, H, L, Thế A là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc do đó Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của các bị cáo T, H, L, Thế A. Quyết định của bản án sơ thẩm đối với các bị cáo T, H, L, Thế A có hiệu lực pháp luật.

[5]. *Xem xét nội dung kháng cáo của các bị cáo Ngô Văn N, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn T1 và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, Hội đồng xét xử nhận thấy:*

Bị cáo Ngô Văn N tham gia 02 lần trộm cắp, tổng giá trị tài sản trộm cắp được là 139.800.000 đồng; Nguyễn Văn T1 tham gia 02 lần trộm cắp được tổng giá trị tài sản trộm cắp là 141.150.000 đồng; Nguyễn Văn T2 tham gia 02 lần trộm cắp, tổng giá trị tài sản trộm cắp là 118.200.000 đồng nên các bị cáo phạm vào tình tiết định khung của điều luật được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Ngoài ra các bị cáo N, T2, T1 còn phạm vào tình tiết định khung của khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là phạm tội có tổ chức. Quá trình xét xử sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo và xác định vai trò của các bị cáo N, T2, T1 là đồng phạm giúp sức đồng thời đã áp dụng các tình tiết tăng nặng đối với các bị cáo là phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo như: đầu thú; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại và được bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Ngoài ra bị cáo Ngô Văn N có nộp đơn xác nhận về việc tham gia công tác phòng chống dịch tại địa phương; bị cáo Nguyễn Văn T1 có thời gian tham gia quân ngũ tại Lữ đoàn 26, Quân chủng phòng không - không quân để từ đó cho các bị cáo N, T2 được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo T1 cấp sơ thẩm cho rằng bị cáo T1 không thành khẩn nên không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để từ đó quyết định xử phạt bị cáo N 24 tháng tù; bị cáo T2 26 tháng tù; bị cáo T1 28 tháng tù.

Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy việc đánh giá vai trò của cấp sơ thẩm đối với các bị cáo T2, N, T1 là chưa phù hợp với tính chất, mức độ hành vi của các bị cáo bởi quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đã xác định bị cáo Ngô Văn N tham gia 02 lần trộm cắp được tổng giá trị tài sản trộm cắp được là 139.800.000 đồng; Nguyễn Văn T1 tham gia 02 lần trộm cắp được tổng giá trị tài sản trộm cắp được là 141.150.000 đồng; Nguyễn Văn T2 tham gia 02 lần trộm cắp được tổng giá trị tài sản trộm cắp được là 118.200.000 đồng như vậy xét về trị giá tài sản trộm cắp thì trị giá tài sản mà bị cáo N phải chịu trách nhiệm với đồng phạm trong vụ án là lớn hơn so với trị giá tài sản do bị cáo T2 cùng đồng phạm chiếm đoạt do vậy khi quyết định hình phạt cấp sơ thẩm xử phạt T2 mức hình phạt cao hơn mức hình phạt của bị cáo N là không phù hợp với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo T2 và bị cáo N do đó lý do kháng nghị

của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong là có cơ sở. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy các bị cáo T2, N, T1 đều là đối tượng có vai trò giúp sức cho T và đồng phạm thực hiện hành vi phạm tội bởi các bị cáo đều giữ vai trò là bảo vệ của Công ty Cresyn và chịu sự phân công của tổ trưởng bảo vệ là bị cáo T nên cần xác định các bị cáo N, T2, T1 có vai trò ngang nhau là phù hợp mặc dù trị giá tài sản 03 bị cáo cùng phải chịu trách nhiệm với đồng phạm có chênh lệch nhau tuy nhiên khi thực hiện tội phạm thì T2 và N có vai trò tích cực hơn T1 bởi T2 có hành vi chở tài sản trộm cắp về nhà cất giấu sau đó cùng đồng phạm mang đi tiêu thụ, N có hành vi gọi thuê xe ô tô đến để chở tài sản trộm cắp vì vậy khi quyết định hình phạt cần cho các bị cáo T1, N, T2 mức hình phạt ngang nhau là phù hợp.

Xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo N, T2, T1, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy việc cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo N, T2 là phù hợp. Riêng đối với bị cáo T1 cấp sơ thẩm không cho bị cáo T1 được hưởng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là chưa phù hợp bởi trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo T1 vẫn thừa nhận hành vi tạo điều kiện để cho đồng phạm của T mang tài sản của Công ty ra ngoài và bị cáo nhận thức được đó là tài sản do T và đồng phạm trộm cắp tuy nhiên bị cáo không rõ bên trong là tài sản gì và bị cáo T1 thừa nhận có được T và đồng phạm chia cho 02 lần tiền, mỗi lần là 3000.000 đồng, ngoài ra tại phiên tòa sơ thẩm trong phần nói lời nói sau cùng bị cáo cũng đã xác định hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt vì vậy để đảm bảo nguyên tắc có lợi cho bị cáo thì cần cho bị cáo T1 được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là phù hợp.

Căn cứ vào tính chất, hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo N, T2, T1 thì Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy cho các bị cáo N, T2, T1 được hưởng mức hình phạt ở mức khởi điểm của khung hình phạt là phù hợp vì vậy việc cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo N mức hình phạt 24 tháng tù là hoàn toàn phù hợp, việc bị cáo N kháng cáo xin được hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ là không có cơ sở để chấp nhận. Đồng thời xét thấy việc kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh đề nghị tăng mức hình phạt đối với bị cáo N là không có cơ sở để chấp nhận.

Đối với mức hình phạt cấp sơ thẩm tuyên đối với bị cáo T2 và bị cáo N là chưa phù hợp và tương xứng với vai trò, hành vi phạm tội của bị cáo T2 và T1, vì vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo T2 và bị cáo T1, giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo T2 và T1.

Vì các căn cứ trên, xét thấy cần sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt của các bị cáo Nguyễn Văn T2 và Nguyễn Văn T1.

[6] Về án phí: Bị cáo Ngô Văn N phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H, Bùi Văn L, Nguyễn Thế A, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn T1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H, Bùi Văn L, Nguyễn Thế A.

Quyết định tại bản án hình sự sơ thẩm số 27/2023/HSST ngày 02/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H, Bùi Văn L, Nguyễn Thế A có hiệu lực thi hành.

2. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Ngô Văn N.

Không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Ngô Văn N.

Giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2023/HSST ngày 02/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh về mức hình phạt đối với bị cáo Ngô Văn N.

Áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt:

Ngô Văn N 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án nhưng được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/7/2022 đến ngày 25/8/2022.

3. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự:

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn T1; Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2023/HSST ngày 02/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh về mức hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn T1.

Áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt:

Nguyễn Văn T1 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt đi thi hành án nhưng được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/7/2023 đến ngày 15/9/2023.

Nguyễn Văn T2 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt đi thi hành án nhưng được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/7/2023 đến ngày 10/8/2023.

4. Về án phí: Bị cáo Ngô Văn N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H, Bùi Văn L, Nguyễn Thế A, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn T1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng PC 10 - Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh;
- CQCSĐT; VKS; TAND; Chi cục THADS huyện Yên Phong;
- Bị cáo;
- Lưu HS, VP

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Tuấn Anh

Số: /2023/HSPT- QĐBTG

Bắc Ninh, ngày 29 tháng 6 năm 2023.

**QUYẾT ĐỊNH BẮT, TẠM GIAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Tuấn Anh

Thẩm phán: Ông Cao Việt Hoàng

Bà Vương Thị Hà

Căn cứ vào các Điều 109, 113, 119 và 347 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ vào Biên bản nghị án ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Hội đồng xét xử phúc thẩm;

Xét thấy cần thiết bắt, tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1

Bắt, tạm giam bị cáo: ***Nguyễn Văn Tùng, sinh năm 1988***; HKTT: phố Lao động, thị trấn Nhã Nam, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Bảo vệ;

Bị Tòa án cấp phúc thẩm xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 3 điều 173 Bộ luật hình sự.

Thời hạn tạm giam là: 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Điều 2

Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Trại tạm giam công an tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Tuấn Anh

Số: /2023/HSPT- QĐBTG

Bắc Ninh, ngày 29 tháng 6 năm 2023.

**QUYẾT ĐỊNH BẮT, TẠM GIAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Tuấn Anh

Thẩm phán: Ông Cao Việt Hoàng

Bà Vương Thị Hà

Căn cứ vào các Điều 109, 113, 119 và 347 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ vào Biên bản nghị án ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Hội đồng xét xử phúc thẩm;

Xét thấy cần thiết bắt, tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1

Bắt, tạm giam bị cáo: ***Nguyễn Văn Hà, sinh năm 2002***; HKTT: Thôn Yên Hậu, xã Hòa Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Công nhân;

Bị Tòa án cấp phúc thẩm xử phạt 07 năm 05 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 3 điều 173 Bộ luật hình sự.

Thời hạn tạm giam là: 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Điều 2

Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Trại tạm giam công an tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Tuấn Anh

Số: /2023/HSPT- QĐBTG

Bắc Ninh, ngày 29 tháng 6 năm 2023.

**QUYẾT ĐỊNH BẮT, TẠM GIAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Tuấn Anh

Thẩm phán: Ông Cao Việt Hoàng

Bà Vương Thị Hà

Căn cứ vào các Điều 109, 113, 119 và 347 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ vào Biên bản nghị án ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Hội đồng xét xử phúc thẩm;

Xét thấy cần thiết bắt, tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1

Bắt, tạm giam bị cáo: ***Bùi Văn Linh, sinh năm 1999***; HKTT: Thôn Trám Chát, xã Quyết Thắng, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Công nhân;

Bị Tòa án cấp phúc thẩm xử phạt 07 năm 05 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 3 điều 173 Bộ luật hình sự.

Thời hạn tạm giam là: 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Điều 2

Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Trại tạm giam công an tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Hoàng Tuấn Anh

Số: /2023/HSPT- QĐBTG

Bắc Ninh, ngày 29 tháng 6 năm 2023.

**QUYẾT ĐỊNH BẮT, TẠM GIAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Tuấn Anh

Thẩm phán: Ông Cao Việt Hoàng

Bà Vương Thị Hà

Căn cứ vào các Điều 109, 113, 119 và 347 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ vào Biên bản nghị án ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Hội đồng xét xử phúc thẩm;

Xét thấy cần thiết bắt, tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1

Bắt, tạm giam bị cáo: ***Nguyễn Thế Anh, sinh năm 1980***; HKTT: Thôn Đồng Đình, xã La Bằng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Bảo vệ;

Bị Tòa án cấp phúc thẩm xử phạt 07 năm 05 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 3 điều 173 Bộ luật hình sự.

Thời hạn tạm giam là: 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Điều 2

Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Trại tạm giam công an tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Tuấn Anh

Số: /2023/HSPT- QĐBTG

Bắc Ninh, ngày 29 tháng 6 năm 2023.

**QUYẾT ĐỊNH BẮT, TẠM GIAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Tuấn Anh

Thẩm phán: Ông Cao Việt Hoàng

Bà Vương Thị Hà

Căn cứ vào các Điều 109, 113, 119 và 347 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ vào Biên bản nghị án ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Hội đồng xét xử phúc thẩm;

Xét thấy cần thiết bắt, tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1

Bắt, tạm giam bị cáo: ***Nguyễn Văn Thanh, sinh năm 1989;*** HKTT: Thôn Thọ Khê, xã Đông Thọ, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Bảo vệ;

Bị Tòa án cấp phúc thẩm xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a, c khoản 2 điều 173 Bộ luật hình sự.

Thời hạn tạm giam là: 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Điều 2

Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Trại tạm giam công an tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Tuấn Anh

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2023/HSPT- QĐBTG

Bắc Ninh, ngày 29 tháng 6 năm 2023.

**QUYẾT ĐỊNH BẮT, TẠM GIAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Tuấn Anh

Thẩm phán: Ông Cao Việt Hoàng

Bà Vương Thị Hà

Căn cứ vào các Điều 109, 113, 119 và 347 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ vào Biên bản nghị án ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Hội đồng xét xử phúc thẩm;

Xét thấy cần thiết bắt, tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1

Bắt, tạm giam bị cáo: ***Nguyễn Văn Trường, sinh năm 1992;*** HKTT: Thôn Thọ Khê, xã Đông Thọ, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Bảo vệ;

Bị Tòa án cấp phúc thẩm xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a, c khoản 2 điều 173 Bộ luật hình sự.

Thời hạn tạm giam là: 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Điều 2

Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Trại tạm giam công an tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

Hoàng Tuấn Anh
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2023/HSPT- QĐBTG

Bắc Ninh, ngày 29 tháng 6 năm 2023.

**QUYẾT ĐỊNH BẮT, TẠM GIAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Tuấn Anh

Thẩm phán: Ông Cao Việt Hoàng

Bà Vương Thị Hà

Căn cứ vào các Điều 109, 113, 119 và 347 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ vào Biên bản nghị án ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Hội đồng xét xử phúc thẩm;

Xét thấy cần thiết bắt, tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1

Bắt, tạm giam bị cáo: ***Ngô Văn Nhiệm, sinh năm 1989***; HKTT: Thôn Như Nguyệt xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Công nhân;

Bị Tòa án cấp phúc thẩm xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a, c khoản 2 điều 173 Bộ luật hình sự.

Thời hạn tạm giam là: 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Điều 2

Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Trại tạm giam công an tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Tuấn Anh